TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N,** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/DS-ST
Ngày 05-4-2021
"V/v tranh chấphợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ C

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Phạm Thị Thiện

2. Bà Đỗ Thị Lệ Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thái Minh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa:* Bà Lê Hoàng Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2021 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

<u>*Nguyên đơn:*</u> Ông Phạm Duy K, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: phường A, quận N, thành phố C.

<u>*Người đại diện theo ủy quyền*</u>: Ông Nguyễn Kỳ Việt C1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 56 Trần Việt C1, phường A, quận N, thành phố C (Hợp đồng ủy quyền ngày 17/3/2021). Có mặt

<u>*Bị đơn:*</u> Ông Cao Trọng B, sinh năm 1969. Xin vắng mặt

Nơi cư trú: 42/4A Tr, phường H, quận N, thành phố C.

Bà Ngô Thị Th, sinh năm 1987. Có mặt

HKTT: ấp Ph, xã Đông Ph, huyện C1, tỉnh H.

Địa chỉ liên hệ: 42/4A Tr, phường H, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2020, nguyên đơn ông Phạm Duy K trình bày:

Từ ngày 01/01/2020, bị đơn đã vay mượn của ông số tiền 130.000.000 đồng (gồm: Giấy vay tiền ngày 01/01/2020 = 100.000.000 đồng, Giấy vay tiền ngày 01/01/2020 = 30.000.000 đồng). Mặc dù có thỏa thuận lãi suất và thời hạn thanh toán, nhưng sau khi vay tiền bị đơn không trả lãi cho đến nay. Khi yêu cầu trả nợ, bị đơn hứa hẹn và sau đó lánh mặt.

Nay yêu cầu bị đơn hoàn trả 130.000.000 đồng và lãi suất theo quy định (tính từ tháng 01/2020 đến tháng 11/2020). Cụ thể:

130.000.000 đồng x 1% x 12 tháng = 14.300.000 đồng.

Tổng cộng bị đơn phải trả cho ông 145.000.000 đồng.

Theo bản tự khai ngày 25/02/2021, ông Cao Trọng B, bà Ngô Thị Th trình bày:

Ngày 01/10/2019, vợ chồng ông bà có mượn của ông Phan Duy K số tiền 100.000.000 đồng, thời gian mượn 03 tháng và đã đóng lãi đầy đủ với lãi suất 10%/tháng = 10.000.000 đồng/tháng. Khi hết hạn 03 tháng thì ông K đòi trả vốn, thời điểm đó vợ chồng ông bà chưa có khả năng trả nên ông K làm giấy gia hạn 03 tháng và cho mượn thêm 30.000.000 đồng và tăng lãi suất lên 12%/tháng.

Tổng số tiền ông bà ký giấy nợ với ông K là 130.000.000 đồng, lãi suất 15.600.000 đồng/tháng. Kể từ tháng 01/2020 đến tháng 02/2020 do dịch bệnh không làm ăn được …nên không có khả năng đóng lãi. Ông bà đã liên lạc với ông K xin trả dần vốn hàng tháng. Do hoàn cảnh khó khăn nên trả nhiều lần, từ ngày 11/6/2020 trả 5.000.000 đồng, từ ngày 15/8/2020 – ngày 05/9/2020 trả 2.300.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán dứt điểm số nợ 120.000.000 đồng, không đồng ý xin trả dần số nợ như ý kiến của bị đơn.

Bị đơn giữ yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, do hoàn cảnh gia đình hiện nay quá khó khăn.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung, tại biên bản hòa giải ngày 02/3/2021, hai bên thống nhất số nợ là 120.000.000 đồng. Tại tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần số tiền 120.000.000 đồng, bị đơn yêu cầu trả dần 1.500.000 đồng/tháng nhưng nhưng nguyên đơn không đồng ý, nên không xem xét yêu cầu này. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bị đơn cư trú tại quận N, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định đây là tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn ông Cao Trọng B có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[3].Về nội dung tranh chấp:

Ngày 01/01/2020, ông Phạm Duy K cho ông Cao Trọng B, bà Ngô Thị Th vay 130.000.000 đồng (Giấy vay tiền ngày 01/01/2020).

Sau đó, bị đơn không trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện đòi nợ.

Tại Biên bản hòa giải ngày 02/3/2021, hai bên thống nhất số nợ là 120.000.000 đồng (bao gồm gốc, lãi và không tiếp tục tính lãi). Bị đơn trình bày, do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Nguyên đơn không thống nhất với phương thức trả nợ của bị đơn, do số tiền này nguyên đơn cũng mượn lại của người khác nên phải chịu lãi hàng tháng; vì vậy yêu cầu bị đơn trả nợ mỗi tháng 3.000.000 đồng và cứ 03 tháng phải trả thêm 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Như vậy, xác định số nợ bị đơn còn nợ nguyên đơn là 120.000.000 đồng; nguyên đơn thống nhất không tính lãi tiếp.

Về phương thức thanh toán, hai bên chưa thống thời gian, cách thức trả nợ với lý do cả hai đều gặp khó khăn trong vấn đề tiền bạc.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán dứt điểm số tiền 120.000.000 đồng, không chấp nhận trả dần như bị đơn yêu cầu.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp nên chấp nhận. Số tiền bị đơn thiếu nợ đã lâu, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên có trách nhiệm thanh toán số nợ trên cho nguyên đơn.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bị đơn chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. *Về tạm ứng án phí:* Nguyên đơn được nhận lại 3.640.000 đồng (theo Biên lai thu số 00348 ngày 28/12/2020).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Cao Trọng B, bà Ngô Thị Th có trách nhiệm trả cho ông Phạm Duy K số tiền 120.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải nộp 6.000.000 đồng.

Về tạm ứng án phí: Nguyên đơn được nhận lại 3.640.000 đồng (theo Biên lai thu số 00348 ngày 28/12/2020).

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Toà án nhân dân Tp. C;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Tp. C;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Q. N;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự Q. N;*
- *Lưu hồ sơ (15).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hồng Quân